

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH VINH LONG **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 11-9-2022

“V/v Ly hôn giữa bà Thanh và ông Phong”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG, TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Kiều Oanh;

2. Bà Dương Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Bé Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2023, về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Mỹ T**, sinh năm 1994; nơi cư trú: Số nhà A, ấp H, xã H, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (có đơn xin xét xử vắng mặt);

- Bị đơn: Ông **Hoàng Thanh P**, sinh năm 1990; nơi cư trú: Số nhà E, Xóm B, Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/11/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:

Về hôn nhân: Bà T và ông Hoàng Thanh P quen biết nhau, tự tìm hiểu rồi tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 27/02/2015 tại Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; bà T và ông P sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về kinh tế, vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2023 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn không thể hàn gắn được. Nay, bà T yêu cầu giải quyết cho bà T được ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà T và ông P có một con chung tên Hoàng Trọng T1, sinh ngày 04/3/2019, hiện con đang sống với bà T, sau khi ly hôn bà T yêu cầu tiếp tục nuôi con đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông P cấp dưỡng;

Về tài sản chung: Bà T và ông P tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung: Bà T khai trong thời kỳ hôn nhân đến thời điểm xin ly hôn ông, bà không có nợ chung.

* Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng thủ tục tố tụng nhưng ông P vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án tổng đạt thủ tục tố tụng hợp lệ theo quy định của pháp luật. Do đó, ông P không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; vụ án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, bà T đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên các yêu cầu trong đơn kiện; ông P vắng mặt đến lần thứ hai. Các đương sự không xuất trình chứng cứ gì mới tại phiên tòa.

Quan điểm Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng, đúng thời hạn xét xử, nguyên đơn bà T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông P vắng mặt đến lần thứ 2 không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Hoàng Thanh P; giao con tên Hoàng Trọng T1, sinh ngày 04/3/2019 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng; bà T không yêu cầu cấp dưỡng nên không đặt ra giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Mỹ T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, ông Hoàng Thanh P vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết. Do đó, đây là vụ án tranh chấp ly hôn được quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long.

Ông P vắng mặt tại phiên tòa đến lần hai, bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

Hiện nay, bà T và ông P sống ly thân nhau, sau khi phát sinh mâu thuẫn vợ chồng ông, bà không có yêu cầu Cơ quan quản lý Nhà nước về công tác gia đình tại địa phương hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp của ông, bà; bà T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông P cấp dưỡng; bà T xác định rõ nguyên nhân phát

sinh tranh chấp, đã ly thân không hàn gắn được tình cảm vợ chồng; ông P không có ý kiến gì phản đối yêu cầu xin ly hôn, nuôi con của bà T. Do đó, việc thu thập tài liệu, chứng cứ lấy ý kiến tại địa phương để tham khảo là không cần thiết.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà T và ông P tự tìm hiểu, tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn theo quy định do đó quan hệ hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Hội đồng xét xử nhận thấy: Từ khi xảy ra mâu thuẫn bà T đã có thời gian sống ly thân và không còn tình cảm vợ chồng với ông P, quá trình giải quyết cũng như tại đơn xin vắng mặt bà T kiên quyết giữ quan điểm ly hôn; xét thấy, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn tôn trọng lẫn nhau, không có tiếng nói chung trong việc xây dựng kinh tế gia đình, bà T đã cho ông P nhiều cơ hội sửa đổi nhưng ông P không thay đổi, mâu thuẫn còn trầm trọng hơn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông P.

[2.2] Về con chung: Bà T và ông P có một người con chung là Trọng T1, hiện nay con đang sống với bà T, bà T có nguyện vọng được nuôi con, ông P không có ý kiến gì về việc nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, vấn đề cấp dưỡng bà T không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Bà T tự thỏa thuận với ông P nên không đặt ra giải quyết; nợ chung: Bà T khai trong thời kỳ hôn nhân đến thời điểm ly hôn ông, bà không có nợ chung nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn 300.000đồng, ông P không phải nộp án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Điều 144, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về nội dung:

1.1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Hoàng Thanh P.

1.2. Về nuôi con chung: Bà T và ông P có một người con chung là Hoàng Trọng T1, sinh ngày 04/3/2019, giao cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi; ông P không cấp dưỡng nuôi con;

Sau khi ly hôn ông P có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung thì bà T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con.

1.3. Về chia tài sản chung: Không đặt ra giải quyết; nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn là 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng đã nộp theo biên lai thu số N⁰ 0001764 ngày 28/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ sau ngày tuyên án, đương sự vắng mặt phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Chi cục THADS TPVL;
- VKSND TPVL;
- TAND tỉnh VL;
- UBND Phường 2, TPVL;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đoàn Thị Kim Yến